

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+BK8	7:25	11+10	0+0		5+17	0+0	
2		RP3+RP1+VSP02	7:25	20+0+1	0+0+0		19+1+1	0+0+0	chuyen 3 Rp3- Rp1
3		PPD+BK3	7:25	21+0	0+0		21+1	0+0	
4		AMD+HST	9:25	15+5	0+0		16+6	0+0	
5		MRRM+P11+PPD	9:25	2+4+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
6		AMD+P4	9:25	6+15	0+0		5+17	0+0	
7		KTRN+P4+PPD	11:25	4+9+2	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
8		PPD+P10+P9	11:25	7+7+6	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
9		T.UNG	11:25	19	0		17	0	
10		CTK3+P2+RP3	13:25	9+8+0	0+0+0		8+12+2	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P10 - BK8	CREW: VTHẮNG - N.ANH - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4232	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VINH PHUONG	P10				3	33	68	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN MẠNH	P10						76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH TRUNG KIẾN	P10						74	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MINH	P10						75	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	12	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THẾ ANH	P10	02	1	11			71	NIPI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TÀI	P10	03-04	2	8			73	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGHI	P10	05	1	5			70	PSV	Vietnamese
9	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	01	1	3			75	PSV	Vietnamese
10	BUI KHUÔNG HIỆU	P10	06-07	2	16	3	31	71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC HIỆU	P10	08	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN LỘC	BK8	14-15	2	18	1	16	63	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	BK8	07-08	2	18	5	70	73	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	BK8	04	1	12			83	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KIM	BK8	12-13	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	BK8	09-10	2	13			72	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN HUY CƯỜNG	BK8	11	1	7			52	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI KHẮC SƠN	BK8	03	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH VINH	BK8	01-02	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỀN ĐĂNG	BK8	06	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI HỒNG SANG	BK8	05	1	18			94	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	11	802	9	60	6	64	5		
2	BK8	10	709	15	141	6	86	17		
TOTAL		21	1.511	24	201	12	150	22		
WEIGHT KG			1.511		201		150			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RP3 - RP1 - VSP02	CREW: HUNG - MTHAO - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4236	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAM TIEN PHI	RP3	96	1	7	2	35	81	KHI	Vietnamese
2	TRAN VAN SEN	RP3	94	1	5			67	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN SANG	RP3	92	1	6			58	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	98-99	2	7			64	KHI	Vietnamese
5	HÔ VAN LUONG	RP3	84	1	3			64	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CU	RP3	200	1	4			56	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	97	1	2			77	KHI	Vietnamese
8	PHAM VAN LAP	RP3						60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VIET KY	RP3	95	1	3			71	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	85	1	6			79	KHI	Vietnamese
11	PANKRATOV	RP3	51	1	11			95	KHI	Russian
12	HA THE BAO	RP3						77	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TU HAI	RP3	93	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HA	RP3	81	1	5			83	KHI	Vietnamese
15	NGO NGOC HAN	RP3	86	1	3			64	KHI	Vietnamese
16	PHAM QUOC KHANH	RP3	91	1	5			80	KHI	Vietnamese
17	PHAM BINH NAM	RP3	90	1	8			60	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TUYEN	RP3	89	1	10			66	KHI	Vietnamese
19	PHAM VAN HUY	RP3	88	1	7			67	KHI	Vietnamese
20	HUYNH THE TAI	RP3	87	1	6			57	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN THANH CONG	VSP02	43	1	4			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.393	19	100	2	35	19		CHUYEN 3 PAX RP3-RP1
2	RP1	0	0	0	0	1	20	1		
3	VSP02	1	69	1	4	0	0	1		
TOTAL		21	1.462	20	104	3	55	21		
WEIGHT KG			1.462		104		55			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO

GIAN	VE	ĐĂNG KÝ CỦA ĐƠN VỊ	RA
PI/TD3	16	285 + 100 + 11K + 100	15
P2			
PPD	10(10)	1K	1
P3		5K	5
P4			
P5	2		
P6	2	1K	1
P7			
P8			
P9/BK18A	19	1700 + 100 + 2K	20
P10			
P11	6	200	2
CTK3			
VSP01			
VSP02			
CLI			
RP1			
RP2			
RP3	1		
BK3			
BK4			
BK5			
BK6			
TD2/BK8/17			
BK9			
BK1/10/			
BK14-23			
TD1/BK15			
BK16			
RC13		5K	
RC4			
RC5			
RC6			
CNV			
RCDM			
GTC1			
TTC1	1		
TTC2/TTC3	1		
HST/HSD			
H1/H4/H5			
MRM			
AMD	1	0	0
BK-TNG			
CLO/BK24/20	10		
AVR/CTC1	25	20K	20
RC10	2		
BK19/			
TD5/BK21	16	1000 + 305 + 200 + 100 + 11K	18
RC8			
KTRN/KNT/PVD8	2		

3 KĐ
P11-P12
P6-P9
3
P1-P12

1) AM + P1 + P2 → 3

$$\begin{array}{r} 20 + 0 + 0 \\ \hline 19 \quad 1 \quad 0 \end{array}$$

2) P9 + P7 + AVR → 1

$$\begin{array}{r} 19 + 1 + 0 \\ \hline 18 \quad 1 \quad 1 \end{array}$$

3) TP5 + P6 + P9 → 2

$$\begin{array}{r} 18 + 1 + 3 \\ \hline 16 \quad 1 \quad 2 \quad 1 \quad 6 \end{array}$$

4) TP3 + RC3 + AM → 2

$$\begin{array}{r} 16 + 5 + 0 \\ \hline 16 \quad 1 \quad 0 \quad 1 \quad 6 \end{array}$$



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PPD - BK3	CREW: ĐỨC - LHM - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4239	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN NAM	PPD	47	1	9			61	KHI	Vietnamese
2	TRAN VAN DUNG	PPD	33	1	4			77	KHI	Vietnamese
3	DO NGOC TAN	PPD	46	1	8			77	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TA	PPD	45	1	3			68	KHI	Vietnamese
5	TRAN LE RANG	PPD	35	1	5			84	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	34	1	2			66	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HUU HAO	PPD	29	1	4			78	KHI	Vietnamese
8	KOLESNIK A.Y	PPD	44	1	11			105	KHI	Vietnamese
9	LE MINH PHUNG	PPD	31	1	8			77	KHI	Vietnamese
10	PHAM HAI QUANG	PPD	32	1	4			70	KHI	Vietnamese
11	BUI THANH	PPD	30	1	3			61	KHI	Vietnamese
12	VU MANH HUNG	PPD	52	1	6			77	KHI	Vietnamese
13	BUI VAN DAO	PPD	48	1	8			85	KH THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET MINH HOANG	PPD	43	1	10			83	ANTOAN	Vietnamese
15	Dinh Xuan Toan	PPD	36	1	9	2	15	66	T-TIN	Vietnamese
16	LUU VAN CHIEN	PPD	27-28	2	14			68	YTE	Vietnamese
17	TRINH VAN NHA	PPD	41-42	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET TIEN	PPD	49-51	3	20			67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TRUNG	PPD				4	60	73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CAO CUONG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	PPD	39	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM DUY CHUNG (PKG)	PPD	40	1	10			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.615	24	154	6	75	21		
2	BK3	0	0	0	0	3	56	1		
TOTAL		22	1.615	24	154	9	131	22		
WEIGHT KG			1.615		154		131			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

TRUONG CONG DUC
LUU THANH HAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: AMD - HST	CREW: VTHẮNG - N.ANH - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4233	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH THUONG MAI	AMD	09-10	2	11	2	20	60	TLJOC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	AMD	22-23	2	13			74	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	18-19	2	16			89	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC CHIEN	AMD	04-05	2	12			80	ABS	Vietnamese
5	NGUYEN ANH KHOA	AMD	08	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRI TRUNG	AMD	02	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG THE KHAI	AMD	01	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUOC HUY	AMD	06-07	2	10			88	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN VAN DUNG	AMD	15	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	17	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN TRUONG	AMD	03	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUNG MANH	AMD	16	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
13	VU NGOC CHINH	AMD	13	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG LINH	AMD	14	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	AMD	11-12	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TUAN CHUNG	HST	200	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN MINH HOAI	HST	96	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HUNG	HST	01-02	2	14			81	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU ĐỨC CHI	HST	98-99	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN CAO TANG	HST	97	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	15	1.100	21	119	2	20	16		
2	HST	5	360	7	47	0	0	6		
TOTAL		20	1.460	28	166	2	20	22		
WEIGHT KG			1.460		166		20			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:MRM - P11 - PPD	CREW: HÙNG - MTHAO - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4237	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN QUOC HUNG	MRM	70-71	2	15			75	DVL	Vietnamese
2	LUONG MANH HAI	MRM	72	1	18			80	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HOAN	P11	10	1	5	2	37	80	DVL	Vietnamese
4	VU TRUONG GIANG	P11	07	1	13			68	DVL	Vietnamese
5	VU ANH TRONG	P11	08	1	13			66	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HIEU	P11	09	1	11			49	DVL	Vietnamese
7	LE QUANG NINH	PPD						67	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	70-71	2	7	4	70	73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VAN HAI	PPD	67	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAC	PPD	57	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
11	BIEN MINH SON	PPD	65	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SINH	PPD	60	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO XUAN TU	PPD	58	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DUNG	PPD	59	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TIEN DAT	PPD	62-63	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH TRI	PPD	61	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG MINH KHANH	PPD	66	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC HOÀ	PPD	69,72	2	7			75	KHI	Vietnamese
19	TRINH QUOC THANH	PPD	73-74	2	11			103	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	68	1	7			84	KHI	Vietnamese
21	TRINH CONG BINH	PPD	64	1	5			64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	2	155	3	33	0	0	0		
2	P11	4	263	4	42	2	37	5		
3	PPD	15	1.074	18	110	4	70	17		
TOTAL		21	1.492	25	185	6	107	22		
WEIGHT KG			1.492		185		107			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: AMD - P4	CREW: ĐỨC - LHM - DŨNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4240	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN MẠNH HÀ	AMD	44	1	6			53	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	57-58	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUỐC THUAN	AMD	60	1	2			61	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN LÂM THANG	AMD	59	1	4			84	PSV	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN THANH	AMD	56	1	6			78	PSV	Vietnamese
6	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	05	1	4	2	40	78	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRẠI	P4	94	1	5			56	KHI	Vietnamese
8	PHẠM THÈ TRƯỜNG	P4	99	1	7			75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	04	1	8			68	KHI	Vietnamese
10	TẠ XUÂN HIỆU	P4	93	1	6			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	96	1	5			87	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4						80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THANG	P4	97	1	7			76	KHI	Vietnamese
14	PHAN HỒNG TÂM	P4	06-07	2	6			62	KHI	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	95	1	5			77	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4						82	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	02	1	5			72	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LAM	P4	98	1	5			71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	03	1	6			63	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TÀI	P4						72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	5	359	6	31	0	0	4		
2	P4	15	1.084	13	69	2	40	18		
TOTAL		20	1.443	19	100	2	40	22		
WEIGHT KG			1.443		100		40			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

LƯU THANH HẢI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO:KTRN - P4 - PPD	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4234	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ NGỌC BÈN	KTRN	49	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỨC	KTRN	50	1	14	1	9	77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LUÂN	KTRN	51	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	KTRN	52	1	16			54	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	78	1	6			67	KHI	Vietnamese
6	NGÔ THANH LAM	P4	86	1	2			66	KHI	Vietnamese
7	LÊ HỒNG PHONG	P4	79	1	5			79	KHI	Vietnamese
8	PHẠM LÊ TUẤN	P4	83	1	6			81	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NUÔI	P4	82	1	7			53	KHI	Vietnamese
10	PHAN TÀI DANH	P4	81	1	6			65	KHI	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	80	1	3			75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CÂN	P4	84	1	5			70	PSV	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH ĐÌNH	P4	85	1	6			72	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN NAM	P4	76-77	2	20			71	KHI	Vietnamese
15	LAI TIẾN DUNG	P4	73-75	3	21			68	KHI	Vietnamese
16	PHAN THỊ VINH	PPD	10	1	7			96	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN LỢI	PPD	11	1	7			78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KTRN	4	260	4	52	1	9	0		
2	P4	11	767	14	87	0	0	10		
3	PPD	2	174	2	14	0	0	12		
TOTAL		17	1.201	20	153	1	9	22		
WEIGHT KG			1.201		153		9			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: PPD - P10 - P9	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4238	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	28	1	2	5	80	50	PSV	Vietnamese
2	VU THE LIEN	PPD	26	1	8			63	PSV	Vietnamese
3	PHẠM VĂN GIANG	PPD	25	1	3			63	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	29-30	2	8			46	PSV	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	27	1	2			68	PSV	Vietnamese
6	PHẠM THANH HÙNG	PPD	24	1	4			60	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	31	1	4			73	PSV	Vietnamese
8	KASWARIH	P10	29	1	3	2	54	76	XAYLAP	Indonesian
9	RINO PRAPTO SUNARDI	P10	30-31	2	19	1	20	73	XAYLAP	Indonesian
10	LÊ TRI THANH	P10	27-28	2	9			73	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM CAO NHẬN	P10	23-24	2	11			69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRĂNG	P10	25-26	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẮNG	P10	32	1	14	1	9	65	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN SƠN	P9	23-25	3	17			78	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG VIỆT DUNG	P9	22	1	6			53	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN THUẬN	P9	21	1	7			81	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	20	1	4			69	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUYÊN	P9	26	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	7	423	8	31	5	80	7		
2	P10	6	416	10	68	4	83	5		
3	P9	5	339	7	39	0	0	10		
TOTAL		18	1.178	25	138	9	163	22		
WEIGHT KG			1.178		138		163			

GRAND TOAL: 1.479 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG	CREW: MMINH - ĐTRUNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4225	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	98	1	4			75	YTE	Vietnamese
2	LƯU THẾ ANH	T.UNG	500	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	03	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THANH	T.UNG	02	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	04	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	96	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG VĂN LUONG	T.UNG	99	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	05	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	06	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	97	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
11	LẠI MINH HOANG	T.UNG				3	25	80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	95	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	01	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VIỆT LINH	T.UNG	10-11	2	11	2	36	75	QUATEST3	Vietnamese
15	LÊ VĂN TRỰC	T.UNG	12	1	8			62	QUATEST3	Vietnamese
16	HOANG GIANG LAM	T.UNG						80	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TỬ LONG	T.UNG	92	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN HỮU VIỆT	T.UNG	94	1	4			68	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG THĂNG	T.UNG	93	1	7			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.339	18	100	5	61	17		
TOTAL		19	1.339	18	100	5	61	17		
WEIGHT KG			1.339		100		61			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

MÀU MẠNH MINH
NGUYỄN ĐỨC TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: TRANG-4	TO:CTK3 - P2 - RP3	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4235	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	29	1	5			58	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ ĐĂNG THANH	CTK3	24	1	4			70	PSV	Vietnamese
3	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	27	1	5			59	PSV	Vietnamese
4	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	28	1	5			65	PSV	Vietnamese
5	LÊ DUY HAI	CTK3	26	1	4	5	80	72	PSV	Vietnamese
6	LÊ VĂN MINH	CTK3	31	1	4			74	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN MAI SY TAM	CTK3	32	1	10			74	PSV	Vietnamese
8	TRƯỜNG THÈ NAM	CTK3	25	1	5			60	PSV	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THƯƠNG	CTK3	30	1	5			50	PSV	Vietnamese
10	ĐÀO XUÂN HOA	P2	14	1	9			57	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	06	1	13			51	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NGỌC DŨNG	P2	09	1	3	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUY TRUNG	P2	13	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	07	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH BA HOANG NAM	P2	08	1	11			97	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN SY	P2	12	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P2	10-11	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	9	582	9	47	5	80	8		
2	P2	8	567	9	79	1	20	12		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.149	18	126	6	100	22		
WEIGHT KG			1.149		126		100			

GRAND TOAL: 1.375 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯỜNG

